

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 21
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2121110303	Đoàn Việt	Anh	27/07/2003	CCQ2111I	6.6	6.8	6.7
2	2121110382	Đỗ Tuấn	Anh	19/05/2002	CCQ2111E	0		0.0
3	2121110143	Nguyễn Quốc	Bảo	09/06/2003	CCQ2111E	7.8	6.6	7.1
4	2121110281	Đào Huy	Bắc	18/11/2003	CCQ2111I	8	6.8	7.3
5	2121110178	Võ Ngọc	Chí	04/12/2003	CCQ2111F	8	7.6	7.8
6	2121110297	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	19/01/2003	CCQ2111I	5.6	5.4	5.5
7	2121110305	Châu Thiên	Cường	07/01/2003	CCQ2111I	6.4	7.4	7.0
8	2121110290	Lê Tấn	Cường	27/06/2003	CCQ2111I	8	6.6	7.2
9	2122120585	Hồ Đức	Danh	17/12/2001	CCQ2212P	8.2	6.4	7.1
10	2121110174	Lê Thị Ngọc	Diệu	03/06/2003	CCQ2111E	8.5	7.0	7.6
11	2121110205	Phạm Cao	Duẩn	13/12/2003	CCQ2111F	0		0.0
12	2121110298	Trần Khánh	Duy	13/01/2003	CCQ2111I	7.4	6.8	7.0
13	2120170769	Bùi Thái	Dương	25/05/2002	CCQ2017H	7.2	6.4	6.7
14	2121110313	Nguyễn Anh	Dương	09/06/2003	CCQ2111I	8	7.0	7.4
15	2121110183	Bùi Văn	Đạt	16/04/2003	CCQ2111F	6.6	7.0	6.8
16	2121110367	Lâm Tấn	Đạt	04/02/2003	CCQ2111I	6.9	7.4	7.2
17	2121110201	Nguyễn Quốc	Đạt	11/03/2003	CCQ2111F	7.4	6.8	7.0
18	2121110286	Lê Chấn	Đông	04/03/2003	CCQ2111I	0		0.0
19	2121110293	Lê Minh	Giàu	26/07/2003	CCQ2111I	8.2	7.4	7.7
20	2121110153	Ngô Ti	Gô	21/08/2003	CCQ2111E	7.9	7.2	7.5
21	2121110164	Hoàng Thu	Hằng	14/12/2003	CCQ2111E	6.1	6.8	6.5
22	2121110374	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	19/01/2003	CCQ2111I	8.2	5.6	6.6
23	2121110309	Trần Khánh	Hằng	03/07/2000	CCQ2111I	7.8	8.8	8.4
24	2121110308	Nguyễn Trần Tiến	Hiệp	26/12/2003	CCQ2111I	8.5	7.6	8.0
25	2121110296	Phan Đình	Hiếu	30/09/2003	CCQ2111I	6.5	6.8	6.7

26	2121110152	Trần Thiên Trung	Hiếu	19/06/2003	CCQ2111E	8.5	7.4	7.8
27	2121110175	Lê Minh	Hoàng	08/12/2003	CCQ2111E	8.1	6.6	7.2
28	2121110304	Bùi Ngọc	Hội	29/01/2003	CCQ2111I	7.1	6.8	6.9
29	2121110141	Phạm Đức	Hùng	26/09/2003	CCQ2111E	7.6	5.8	6.5
30	2121110356	Mạc Quốc	Huy	14/05/2003	CCQ2111E	8.2	8.2	8.2
31	2121110193	Nguyễn Hữu	Huy	24/08/2003	CCQ2111F	0		0.0
32	2121110182	Nguyễn Thanh	Huy	04/05/2003	CCQ2111F	7.8	6.6	7.1
33	2121110158	Đinh Thị Thanh	Huyền	11/10/2003	CCQ2111E	7.2	7.0	7.1
34	2121110142	Nguyễn Hải	Hưng	25/08/2003	CCQ2111E	7.8	7.2	7.4
35	2121110299	Lương Hữu	Khánh	21/07/2003	CCQ2111I	6.8	5.6	6.1
36	2121110181	Nguyễn Thúc	Khánh	26/04/2003	CCQ2111F	0		0.0
37	2121110180	Võ Vũ Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2111F	8	6.4	7.0
38	2121110307	Trần Duy	Lâm	28/11/2003	CCQ2111I	7.1	6.4	6.7
39	2121110285	Nguyễn Anh	Long	31/05/2003	CCQ2111I	7.9	7.0	7.4
40	2121110189	Lê Khắc	Lộc	17/10/2003	CCQ2111F	7.4	7.2	7.3
41	2121110302	Nguyễn Trần Vĩnh	Lợi	11/05/2003	CCQ2111I	7.6	8.6	8.2
42	2121110179	Bá Quang	Luân	05/02/2003	CCQ2111F	7.8	5.8	6.6
43	2121110169	Dương Hồng	Luyến	12/10/2002	CCQ2111E	7.8	7.0	7.3
44	2121110295	Nguyễn Thị Trúc	Ly	21/07/2003	CCQ2111I	7.9	7.8	7.8
45	2121110145	Nguyễn Tiến	Mạnh	15/12/2003	CCQ2111E	7	7.2	7.1
46	2121110185	Nguyễn Tiến	Mười	12/07/2003	CCQ2111F	6.9	6.8	6.8
47	2121110162	Cù Thanh	Nam	22/06/2003	CCQ2111E	7.3	5.8	6.4
48	2121110202	Trịnh Quang	Nam	26/03/2003	CCQ2111F	0		0.0
49	2121110315	Lê Kim	Ngân	07/03/2003	CCQ2111I	6.8	6.8	6.8
50	2121110186	Huỳnh Nguyễn Tuyết	Nghi	06/08/2003	CCQ2111F	7.3	7.6	7.5
51	2121110188	Dương Trọng	Nghĩa	15/12/2003	CCQ2111F	7.6	6.6	7.0
52	2121110155	Lê Quốc	Nghiêm	30/11/2003	CCQ2111E	7.6	7.0	7.2
53	2121110191	Nguyễn Thanh	Nguyên	20/07/2003	CCQ2111F	7.6	6.0	6.6
54	2121110173	Huỳnh Thị Yến	Nhung	10/08/2003	CCQ2111E	6.7	7.2	7.0
55	2121110168	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/11/2003	CCQ2111E	5.9	7.8	7.0
56	2121110166	Lê Văn	Phi	26/02/2003	CCQ2111E	7.9	6.6	7.1
57	2121110287	Nguyễn Lê Hoàng	Phi	01/06/2003	CCQ2111I	0		0.0
58	2121110184	Phạm Văn	Phước	17/11/2002	CCQ2111F	6.9	7.2	7.1
59	2121110207	Hoàng Trọng	Quốc	19/07/2003	CCQ2111F	7.8	7.4	7.6
60	2121110146	Nguyễn Đại Hồng	Sơn	15/07/2003	CCQ2111E	7.6	7.2	7.4

61	2121110156	Nguyễn Đức Hoàng	Sơn	04/05/2003	CCQ2111E	0		0.0
62	2121110195	Vũ Đình	Sơn	04/01/2003	CCQ2111F	7.7	7.0	7.3
63	2121110289	Phan Anh	Tài	05/05/2003	CCQ2111I	8	7.6	7.8
64	2121110176	Hà Văn	Tâm	13/12/2002	CCQ2111F	0		0.0
65	2121110160	Nguyễn Hữu	Tâm	14/05/2003	CCQ2111E	7.2	6.8	7.0
66	2121110314	Nguyễn Vi	Tân	02/05/2003	CCQ2111I	7.6	6.4	6.9
67	2121110385	Đặng Quốc	Thái	03/07/2002	CCQ2111F	0		0.0
68	2121110192	Nguyễn Ngọc	Thái	08/06/2003	CCQ2111F	7.5	7.8	7.7
69	2121110198	Đỗ Chí	Thanh	08/08/2003	CCQ2111F	8.2	6.4	7.1
70	2121110150	Nguyễn Thành	Thắng	20/03/2000	CCQ2111E	7.1	7.2	7.2
71	2121110194	Hồ Minh	Thuận	29/10/2003	CCQ2111F	7	5.6	6.2
72	2121110144	Đồng Nguyễn Hoài	Thương	12/01/2003	CCQ2111E	8.3	6.4	7.2
73	2121110171	Trần Thanh	Thương	11/05/2003	CCQ2111E	8	6.8	7.3
74	2121110200	Hà Ngọc	Tiến	10/01/2003	CCQ2111F	8.3	7.6	7.9
75	2121110204	Huỳnh Thị Bảo	Trân	29/05/2002	CCQ2111F	8.1	7.8	7.9
76	2121110148	Trịnh Quốc	Trung	18/08/2003	CCQ2111E	7.3	6.2	6.6
77	2121110291	Phan Đỗ Anh	Tú	12/08/2003	CCQ2111I	7.8	7.4	7.6
78	2121110294	Phan Anh	Tuấn	13/08/2003	CCQ2111I	6.9	7.0	7.0
79	2121110154	Nguyễn Thị Thúy	Vi	28/11/2003	CCQ2111E	8.1	6.8	7.3
80								

Tp. Thủ Đức, ngày 14 tháng 11 năm 2022

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1- Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 21
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2121110303	Đoàn Việt	Anh	27/07/2003	CCQ2111I	6.0	6.0	6.5	5.0	9.0	6.6	
2	2121110382	Đỗ Tuấn	Anh	19/05/2002	CCQ2111E						0.0	
3	2121110143	Nguyễn Quốc	Bảo	09/06/2003	CCQ2111E	7.0	7.5	6.5	8.7	8.0	7.8	
4	2121110281	Đào Huy	Bắc	18/11/2003	CCQ2111I	7.0	7.0	7.5	9.3	8.0	8.0	
5	2121110178	Võ Ngọc	Chí	04/12/2003	CCQ2111F	6.5	7.5	7.5	8.3	9.0	8.0	
6	2121110297	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	19/01/2003	CCQ2111I	7	7.5	7	0	9	5.6	
7	2121110305	Châu Thiên	Cường	07/01/2003	CCQ2111I		7.0	7.5	7.3	8.0	6.4	
8	2121110290	Lê Tấn	Cường	27/06/2003	CCQ2111I	7.0	7.0	6.5	7.7	10.0	8.0	
9	2122120585	Hồ Đức	Danh	17/12/2001	CCQ2212P	7.0	7.0	7.5	9.0	9.0	8.2	
10	2121110174	Lê Thị Ngọc	Diệu	03/06/2003	CCQ2111E	7.5	8.5	7.0	8.3	10.0	8.5	
11	2121110205	Phạm Cao	Duẩn	13/12/2003	CCQ2111F						0.0	
12	2121110298	Trần Khánh	Duy	13/01/2003	CCQ2111I	6.5	6.5	6.5	7.3	9.0	7.4	
13	2120170769	Bùi Thái	Dương	25/05/2002	CCQ2017H	6.5	7.0	7.5	5.7	9.0	7.2	
14	2121110313	Nguyễn Anh	Dương	09/06/2003	CCQ2111I	6.5	7.0	6.5	9.0	9.0	8.0	
15	2121110183	Bùi Văn	Đạt	16/04/2003	CCQ2111F	7.0	6.5	7.0	4.7	8.0	6.6	
16	2121110367	Lâm Tấn	Đạt	04/02/2003	CCQ2111I	6.5	7.0	7.5	6.7	7.0	6.9	
17	2121110201	Nguyễn Quốc	Đạt	11/03/2003	CCQ2111F	6.5	6.5	7.5	6.7	9.0	7.4	
18	2121110286	Lê Chấn	Đông	04/03/2003	CCQ2111I						0.0	
19	2121110293	Lê Minh	Giàu	26/07/2003	CCQ2111I	7.0	6.0	6.5	10.0	9.0	8.2	
20	2121110153	Ngô Ti	Gô	21/08/2003	CCQ2111E	6.0	6.5	6.5	9.3	9.0	7.9	
21	2121110164	Hoàng Thu	Hằng	14/12/2003	CCQ2111E	7.0	7.0	7.0	2.0	9.0	6.1	
22	2121110374	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	19/01/2003	CCQ2111I	6.5	6.0	7.0	10.0	9.0	8.2	
23	2121110309	Trần Khánh	Hằng	03/07/2000	CCQ2111I	7.0	7.0	7.0	7.7	9.0	7.8	
24	2121110308	Nguyễn Trần Tiến	Hiệp	26/12/2003	CCQ2111I	6.5	8.0	6.5	9.3	10.0	8.5	
25	2121110296	Phan Đình	Hiếu	30/09/2003	CCQ2111I	6.0	6.0	7.5	5.0	8.0	6.5	
26	2121110152	Trần Thiên Trung	Hiếu	19/06/2003	CCQ2111E	7.5	8.0	6.5	9.7	9.0	8.5	

27	2121110175	Lê Minh	Hoàng	08/12/2003	CCQ2111E	7.0	7.5	7.5	8.3	9.0	8.1	
28	2121110304	Bùi Ngọc	Hội	29/01/2003	CCQ2111I	6.0	5.5	6.5	7.0	9.0	7.1	
29	2121110141	Phạm Đức	Hùng	26/09/2003	CCQ2111E	6.5	6.0	6.5	9.0	8.0	7.6	
30	2121110356	Mạc Quốc	Huy	14/05/2003	CCQ2111E	6.5	7.5	7.5	9.0	9.0	8.2	
31	2121110193	Nguyễn Hữu	Huy	24/08/2003	CCQ2111F						0.0	
32	2121110182	Nguyễn Thanh	Huy	04/05/2003	CCQ2111F	6.0	6.5	7.0	9.7	8.0	7.8	
33	2121110158	Đinh Thị Thanh	Huyền	11/10/2003	CCQ2111E	7	7	7	5.7	9	7.2	
34	2121110142	Nguyễn Hải	Hưng	25/08/2003	CCQ2111E	6.0	5.5	6.5	8.3	10.0	7.8	
35	2121110299	Lương Hữu	Khánh	21/07/2003	CCQ2111I	6.5	7.5	7.5	8.0	5.0	6.8	
36	2121110181	Nguyễn Thúc	Khánh	26/04/2003	CCQ2111F						0.0	
37	2121110180	Võ Vũ Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2111F	7.5	7.5	7.5	7.7	9.0	8.0	
38	2121110307	Trần Duy	Lâm	28/11/2003	CCQ2111I	6.5	6.5	7.5	6.7	8.0	7.1	
39	2121110285	Nguyễn Anh	Long	31/05/2003	CCQ2111I	6.0	6.5	6.5	9.3	9.0	7.9	
40	2121110189	Lê Khắc	Lộc	17/10/2003	CCQ2111F	7.0	7.0	7.5	7.0	8.0	7.4	
41	2121110302	Nguyễn Trần Vĩnh	Lợi	11/05/2003	CCQ2111I	7.0	7.0	6.5	7.3	9.0	7.6	
42	2121110179	Bá Quang	Luân	05/02/2003	CCQ2111F	7.0	6.5	7.0	10.0	7.0	7.8	
43	2121110169	Dương Hồng	Luyến	12/10/2002	CCQ2111E	6.5	6.5	6.5	7.7	10.0	7.8	
44	2121110295	Nguyễn Thị Trúc	Ly	21/07/2003	CCQ2111I	6.5	7.5	7.0	8.0	9.0	7.9	
45	2121110145	Nguyễn Tiến	Mạnh	15/12/2003	CCQ2111E	6.0	7.0	6.5	5.7	9.0	7.0	
46	2121110185	Nguyễn Tiến	Mười	12/07/2003	CCQ2111F	7.0	8.0	7.0	5.0	8.0	6.9	
47	2121110162	Cù Thanh	Nam	22/06/2003	CCQ2111E	7.0	7.0	7.5	5.7	9.0	7.3	
48	2121110202	Trịnh Quang	Nam	26/03/2003	CCQ2111F						0.0	
49	2121110315	Lê Kim	Ngân	07/03/2003	CCQ2111I	6.0	6.5	7.0	5.0	9.0	6.8	
50	2121110186	Huỳnh Nguyễn Tuyết	Nghi	06/08/2003	CCQ2111F	7.0	7.0	7.0	6.0	9.0	7.3	
51	2121110188	Dương Trọng	Nghĩa	15/12/2003	CCQ2111F	6.0	7.0	6.5	8.0	9.0	7.6	
52	2121110155	Lê Quốc	Nghiêm	30/11/2003	CCQ2111E	6.0	6.5	7.5	7.7	9.0	7.6	
53	2121110191	Nguyễn Thanh	Nguyên	20/07/2003	CCQ2111F	6.5	6.0	7.0	7.7	9.0	7.6	
54	2121110173	Huỳnh Thị Yến	Nhung	10/08/2003	CCQ2111E	6.5	7.0	7.0	3.3	10.0	6.7	
55	2121110168	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	06/11/2003	CCQ2111E	7.0	7.5	7.0	0.0	10.0	5.9	
56	2121110166	Lê Văn	Phi	26/02/2003	CCQ2111E	6.5	7.0	7.5	7.3	10.0	7.9	
57	2121110287	Nguyễn Lê Hoàng	Phi	01/06/2003	CCQ2111I						0.0	
58	2121110184	Phạm Văn	Phước	17/11/2002	CCQ2111F	6.5	6.0	7.0	6.3	8.0	6.9	
59	2121110207	Hoàng Trọng	Quốc	19/07/2003	CCQ2111F	7.0	6.5	7.0	9.0	8.0	7.8	
60	2121110146	Nguyễn Đại Hồng	Sơn	15/07/2003	CCQ2111E	6.5	6.0	7.5	7.7	9.0	7.6	
61	2121110156	Nguyễn Đức Hoàng	Sơn	04/05/2003	CCQ2111E						0.0	
62	2121110195	Vũ Đình	Sơn	04/01/2003	CCQ2111F	7.0	6.0	7.0	9.0	8.0	7.7	
63	2121110289	Phan Anh	Tài	05/05/2003	CCQ2111I	6.5	7.0	6.5	8.0	10.0	8.0	
64	2121110176	Hà Văn	Tâm	13/12/2002	CCQ2111F						0.0	

65	2121110160	Nguyễn Hữu Tâm	14/05/2003	CCQ2111E	7.0	8.0	6.5	5.3	9.0	7.2	
66	2121110314	Nguyễn Vi Tân	02/05/2003	CCQ2111I	7.0	6.5	7.5	8.0	8.0	7.6	
67	2121110385	Đặng Quốc Thái	03/07/2002	CCQ2111F						0.0	
68	2121110192	Nguyễn Ngọc Thái	08/06/2003	CCQ2111F	6.5	6.5	7.0	8.3	8.0	7.5	
69	2121110198	Đỗ Chí Thanh	08/08/2003	CCQ2111F	7.5	7.0	7.0	8.0	10.0	8.2	
70	2121110150	Nguyễn Thành Thắng	20/03/2000	CCQ2111E	7.0	6.5	6.5	7.0	8.0	7.1	
71	2121110194	Hồ Minh Thuận	29/10/2003	CCQ2111F	5.0	3.0	6.5	9.3	8.0	7.0	
72	2121110144	Đồng Nguyễn Hoài Thương	12/01/2003	CCQ2111E	7.0	7.0	7.5	8.3	10.0	8.3	
73	2121110171	Trần Thanh Thương	11/05/2003	CCQ2111E	7.0	7.0	6.5	7.7	10.0	8.0	
74	2121110200	Hà Ngọc Tiến	10/01/2003	CCQ2111F	6.5	7.0	7.0	8.7	10.0	8.3	
75	2121110204	Huỳnh Thị Bảo Trân	29/05/2002	CCQ2111F	6.5	7.5	7.0	7.7	10.0	8.1	
76	2121110148	Trịnh Quốc Trung	18/08/2003	CCQ2111E	6.5	7.0	7.5	8.0	7.0	7.3	
77	2121110291	Phan Đỗ Anh Tú	12/08/2003	CCQ2111I	7.0	6.5	6.5	8.3	9.0	7.8	
78	2121110294	Phan Anh Tuấn	13/08/2003	CCQ2111I	6.0	6.5	6.5	5.7	9.0	6.9	
79	2121110154	Nguyễn Thị Thúy Vi	28/11/2003	CCQ2111E	7.0	7.0	7.0	8.0	10.0	8.1	
80											

Tp. Thủ Đức, ngày 14 tháng 11 năm 2022

GIẢNG VIÊN



Nguyễn Trung Lục